TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **77**/2019/DS-PT
Ngày: 18/3/2019
V/v: tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Kim Của

Cùng các Thẩm phán: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Tr – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2019/TLPT-DS ngày 14/01/2019 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 127/2018/DS-ST ngày 15/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 36/2019/QĐ-PT ngày 10/02/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1969 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp K, xã P, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị S là bà Nguyễn Thúy M, sinh năm 1960; nơi cư trú: 175/2 F1 khu phố A, phường B, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

- Bị đơn:

Bà Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp V, xã VT, huyện Chợ Lách, Bến Tre

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Văn T – văn phòng Luật sư Nguyễn Văn T, thuộc đoàn luật sư tỉnh Bến Tre.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thùy Tr

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Người đại theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào khoảng tháng 7/2016, bà S có hợp đồng bán cây cóc giống và cây dừa giống cho bà Nguyễn Thị Thùy Tr. Hai bên không có làm hợp đồng bằng văn bản, khi tiến hành mua bán thì bà Tr có đặt cọc cho bà S 10.000.000đồng, tiền đặt cọc là do bà Tr giao cho bà Nguyễn Thị Ánh rồi bà Ánh giao lại cho bà S. Bà S đã giao cây cho bà Tr 04 lần, tổng cộng: 201.250.000 đồng. Vào khoảng từ tháng 7, 8, 9 năm 2016, bà Tr đã trả tiền cho bà S được 05 lần tổng cộng là 87.000.000đồng. Hiện nay bà Tr còn thiếu bà S số tiền là 114.250.000đồng, mặc dù bà S đã nhiều lần yêu cầu bà Tr trả tiền cho bà nhưng bà Tr không chịu trả cho đến nay. Vì vậy, nay bà S yêu cầu bà Tr có trách nhiệm trả cho bà số tiền là 114.250.000đ (Một trăm mười bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy Tr là ông Sử Văn Nhã trình bày: Đối với lời trình bày của nguyên đơn thì bà Tr không đồng ý. Trước đây giữa bà Tr và bà S có hợp đồng mua bán cây giống nhưng những hợp đồng đó đã kết thúc, hai bên đã giao cây và giao tiền đầy đủ, cũng từ đó mối quan hệ giữa hai bên trở nên thân thiết hơn. Đối với việc mua bán cây theo như đơn khởi kiện của bà S là không có, vào thời điểm này cây cóc giống do bà S sản xuất ra không tiêu thụ được nên bà S đến gặp bà Tr xin được ký gửi cây cóc giống dưới dạng nài, tấn nhờ bà Tr bán dùm và bà S còn nói "bán được xong rồi tính". Vì chỗ thân thiết nên bà Tr cho bà S chở cây đến gửi vào bãi chứa hàng, mỗi lần bà S chở cây đến bà Tr đều ghi số lượng xuất đơn hàng để kiểm hàng và quản lý, những hóa đơn này bà S giữ hết, bà Tr không có giữ. Đối với số lượng cây giống do nguyên đơn trình bày thì bà Tr không biết, không nhớ bao nhiêu cây do hóa đơn bà S giữ. Còn riêng đối với cây dừa giống bà S bán cho bà Tr thì bà Tr đã trả đủ tiền cho bà S. Trong thời gian bà S ký gửi cây giống thì bà Tr có đưa tạm ứng cho bà S số tiền 30.000.000 đồng, còn bà S có đưa cho ai không thì bà Tr không biết. Bà Tr thừa nhận Toa hàng của cơ sở sản xuất cây giống - cây

công trình Thùy Tr do bà S nộp đến Tòa án là do bà Tr viết, chữ viết là của bà Tr.

Nay bà Tr không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của bà S.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 127/2018/DS-ST ngày 15/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách quyết định:

Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố Tụng dân sự; các Điều 357, 430, 433, 436, 437, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S đối với bà Nguyễn Thị Thùy Tr về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản". Buộc bà Nguyễn Thị Thùy Tr phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền 114.250.000đ (Một trăm mười bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Ghi nhận bà S không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/11/2018 bà Nguyễn Thị Thùy Tr kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên Toà phúc thẩm bà S giữ yêu cầu khởi kiện, theo đơn xin xét xử vắng mặt của bà Tr thì bà Tr không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Ánh và giữ kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Bà Tr có đơn yêu cầu xác minh, thu thập chứng cứ giá cây giống cóc Thái và cóc thường vào tháng 7/2016 giá bán cụ thể là bao nhiêu để bà Tr trả tiền cho các nguyên đơn. Khi mua bán, các bên thỏa thuận là mua bán giống cây cóc Thái nhưng nguyên đơn lại giao giống cây cóc thường cho bà Tr. Tại thời điểm tháng 7/2016 giống cây cóc thường có giá bán là 500 đồng/cây chứ không phải là 2.500 đồng/cây như các nguyên đơn trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng theo pháp luật tố tụng. Về nội dung: kháng cáo của bà Tr là không có căn cứ. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308, bác kháng cáo của bà Tr, y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà S có hợp đồng bán cây giống cho bà Tr, hợp đồng không lập thành văn bản, bà Tr đặt cọc trước cho bà S 10.000.000 đồng, bà S đã giao cây cóc giống và dừa giống cho bà Tr tổng cộng 04 lần với tổng số tiền là 201.250.000 đồng. Bà Tr đã trả được cho bà S 87.000.000đồng; còn lại số tiền chưa trả là 114.250.000 đồng đến nay bà Tr vẫn chưa trả nên bà S yêu cầu bà Tr trả cho bà số tiền này.

[2] Việc bà Tr có đơn yêu cầu tòa án thu thập chứng cứ về giá bán cụ thể của cây giống cóc Thái và cóc thường vào tháng 7/2016 là không có căn cứ. Bởi lẽ, theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì tại phiên tòa sơ thẩm các bên đương sự đều thống nhất với nhau là các bên mua bán không có hợp đồng cụ thể, chỉ mua bán bằng lời nói. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn xác định các bên mua bán không giao kết hợp đồng cụ thể mà chỉ thỏa thuận miệng là nguyên đơn giao cây giống cóc Thái cho bà Tr với giá 2.500 đồng/cây. Tuy nhiên, phía bị đơn không có chứng cứ gì để chứng minh việc các bên thỏa thuận là nguyên đơn giao giống cây cóc Thái cho bị đơn. Trong khi đó, tờ toa hàng do chính bà Tr ghi cho nguyên đơn là nguyên đơn đã giao cây cóc giống cho bị đơn, bị đơn đã xác nhận số lượng cây, giá cây, thành tiền nên quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là không có căn cứ.

[3] Căn cứ vào toa hàng do bị đơn viết và giao cho nguyên đơn thì phía nguyên đơn đã nhiều lần giao hàng cho bị đơn. Bà Tr thừa nhận chữ viết trong toa hàng là của bà Tr. Bà Tr đã kiểm tra về chủng loại hàng hóa, số lượng cây giống và giá cả đều được hai bên thống nhất mua bán. Bà Tr cho rằng các bên thỏa thuận mua bán cây giống cóc Thái nhưng bà không có chứng cứ gì chứng minh. Việc bà Tr không thanh toán tiền cho các nguyên đơn là bà Tr đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của phía nguyên đơn. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát.

[4] Do nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu bà Tr trả lãi suất trong thời gian vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên HĐXX ghi nhận

Kháng cáo của bà Tr không được chấp nhận nên bà Tr phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1, Điều 308, Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thùy Tr, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 127/2018/DS-ST ngày 15/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Căn cứ vào Điều 357, 430, 433, 436, 437, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S đối với bà Nguyễn Thị Thùy Tr về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

Buộc bà Nguyễn Thị Thùy Tr phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền 114.250.000đ (Một trăm mười bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Ghi nhận bà S không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thùy Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.712.500 (Năm triệu bảy trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.856.250đ (Hai triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0023843 ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

3/. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thùy Tr phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0020301 ngày 08/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Lách là đủ.

Trường hợp quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND tỉnh Bến Tre;*
- *TAND huyện Chợ Lách;*
- *Chi cục THADS huyện Chợ Lách;*
- *Phòng GĐKT;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Kim Của

Các thẩm phán **Thẩm phán - chủ toạ phiên toà**

Phạm Kim Của **Nguyễn Kim Tư** **Nguyễn Thị Ngọc Hương**